

Số:273/2023/TBHH-TCTBĐATHHMB

Hải Phòng, ngày 29 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của vùng nước đậu tàu trước bến cảng Sơn Dương - Hà Tĩnh

HTH-20-2023

Vùng biển : Hà Tĩnh

Tên luồng : Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Sơn Dương

Căn cứ Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 2309111/CV-FHS ngày 26/9/2023 của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh;

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc thông báo thông số kỹ thuật của vùng nước đậu tàu trước Bến cảng Sơn Dương - Hà Tĩnh, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ như sau:

1. Bến W1

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-1	18°03'05.3"	106°26'19.1"	18°03'01.7"	106°26'25.8"
W1-2	18°03'04.6"	106°26'17.6"	18°03'01.0"	106°26'24.3"
W1-3	18°03'12.1"	106°26'13.6"	18°03'08.5"	106°26'20.3"
W1-4	18°03'12.9"	106°26'15.1"	18°03'09.2"	106°26'21.8"

Độ sâu đạt: 14.3m (mười bốn mét ba).

Lưu ý: Hai điểm cạn có độ sâu 14.1m, nằm tại khu vực điểm W1-2, tại các vị trí có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°03'04.8"	106°26'18.0"	18°03'01.2"	106°26'24.7"
18°03'05.0"	106°26'17.5"	18°03'01.3"	106°26'24.2"

2. BẾN W2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-3	18°03'12.1"	106°26'13.6"	18°03'08.5"	106°26'20.3"
W1-4	18°03'12.9"	106°26'15.1"	18°03'09.2"	106°26'21.8"
W3-1	18°03'19.2"	106°26'09.9"	18°03'15.6"	106°26'16.6"
W3-2	18°03'20.0"	106°26'11.4"	18°03'16.4"	106°26'18.1"

Độ sâu đạt: 14.3m (mười bốn mét ba).

3. BẾN W3:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W3-1	18°03'19.2"	106°26'09.9"	18°03'15.6"	106°26'16.6"
W3-2	18°03'20.0"	106°26'11.4"	18°03'16.4"	106°26'18.1"
W3-3	18°03'26.5"	106°26'08.0"	18°03'22.9"	106°26'14.6"
W3-4	18°03'25.8"	106°26'06.4"	18°03'22.1"	106°26'13.1"

Độ sâu đạt: 14.3m (mười bốn mét ba).

4. BẾN W4:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W4-1	18°03'27.5"	106°26'06.3"	18°03'23.9"	106°26'12.9"
W4-2	18°03'26.0"	106°26'07.0"	18°03'22.4"	106°26'13.7"
W5-4	18°03'28.3"	106°26'11.7"	18°03'24.7"	106°26'18.4"
W5-1	18°03'29.8"	106°26'11.0"	18°03'26.2"	106°26'17.7"

Độ sâu đạt: 14.5m (mười bốn mét rưỡi).

5. BẾN W5:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W5-1	18°03'29.8"	106°26'11.0"	18°03'26.2"	106°26'17.7"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W5-2	18°03'32.1"	106°26'15.7"	18°03'28.4"	106°26'22.4"
W5-3	18°03'30.6"	106°26'16.5"	18°03'27.0"	106°26'23.1"
W5-4	18°03'28.3"	106°26'11.7"	18°03'24.7"	106°26'18.4"

Độ sâu đạt: 14.5m (mười bốn mét rưỡi).

6. Bến W6:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-1	18°03'37.8"	106°26'06.8"	18°03'34.2"	106°26'13.5"
W6-2	18°03'39.3"	106°26'06.0"	18°03'35.6"	106°26'12.7"
W6-3	18°03'41.5"	106°26'10.7"	18°03'37.9"	106°26'17.4"
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"

Độ sâu đạt: 9.9m (chín mét chín).

7. Bến W7:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-1	18°03'37.8"	106°26'06.8"	18°03'34.2"	106°26'13.5"
W6-2	18°03'39.3"	106°26'06.0"	18°03'35.6"	106°26'12.7"
W8-3	18°03'37.4"	106°26'02.2"	18°03'33.8"	106°26'08.9"
W8-2	18°03'36.0"	106°26'03.0"	18°03'32.4"	106°26'09.6"

Độ sâu đạt: 10.2m (mười mét hai).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 9.9m đến 10.1m, nằm dọc theo tuyến mép bến, từ điểm W8-2 kéo dài về phía điểm W6-1 khoảng 102m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 3m.

8. Bến W8:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W8-1	18°03'35.2"	106°26'01.4"	18°03'31.6"	106°26'08.1"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W8-2	18°03'36.0"	106°26'03.0"	18°03'32.4"	106°26'09.6"
W9-1	18°03'40.3"	106°25'58.8"	18°03'36.7"	106°26'05.4"
W9-2	18°03'41.0"	106°26'00.3"	18°03'37.4"	106°26'06.9"

Độ sâu đạt: 9.9m (chín mét chín).

Lưu ý: Điểm cạn có độ sâu 9.8m, nằm trên tuyến mép bến (từ điểm W8-1 đến điểm W8-2), tại vị trí có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°03'35.5"	106°26'01.9"	18°03'31.9"	106°26'08.6"

9. Bến W9:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1	18°03'44.8"	106°25'56.4"	18°03'41.2"	106°26'03.1"
A2	18°03'45.5"	106°25'57.9"	18°03'41.9"	106°26'04.6"
W9-1	18°03'40.3"	106°25'58.8"	18°03'36.7"	106°26'05.4"
W9-2	18°03'41.0"	106°26'00.3"	18°03'37.4"	106°26'06.9"

Độ sâu đạt: 10.0m (mười mét không).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu 9.8m đến 9.9m, nằm dọc theo tuyến mép bến, từ điểm A1 kéo dài về phía điểm W9-1 khoảng 20m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 3m.

10. Bến W10:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1	18°03'44.8"	106°25'56.4"	18°03'41.2"	106°26'03.1"
A2	18°03'45.5"	106°25'57.9"	18°03'41.9"	106°26'04.6"
A3	18°03'50.0"	106°25'55.5"	18°03'46.4"	106°26'02.2"
A4	18°03'49.3"	106°25'54.0"	18°03'45.7"	106°26'00.7"

Độ sâu đạt: 9.8m (chín mét tám).

11. Bền S1:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S1-1	18°03'06.2"	106°26'21.0"	18°03'02.6"	106°26'27.7"
S1-2	18°03'07.7"	106°26'20.2"	18°03'04.1"	106°26'26.9"
S2-2	18°03'13.0"	106°26'31.3"	18°03'09.4"	106°26'38.0"
S2-1	18°03'11.5"	106°26'32.0"	18°03'07.9"	106°26'38.7"

Độ sâu đạt: 20.5m (hai mươi mét rưỡi).

12. Bền S2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S2-1	18°03'11.5"	106°26'32.1"	18°03'07.9"	106°26'38.7"
S2-2	18°03'13.0"	106°26'31.3"	18°03'09.4"	106°26'38.0"
S2-3	18°03'18.3"	106°26'42.4"	18°03'14.7"	106°26'49.1"
S2-4	18°03'16.9"	106°26'43.1"	18°03'13.3"	106°26'49.8"

Độ sâu đạt: 20.0m (hai mươi mét).

13. Bền A1:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1-1	18°03'35.0"	106°26'14.1"	18°03'31.4"	106°26'20.8"
A1-2	18°03'32.8"	106°26'09.4"	18°03'29.1"	106°26'16.0"
A1-3	18°03'33.6"	106°26'08.9"	18°03'30.0"	106°26'15.6"
A1-4	18°03'35.9"	106°26'13.7"	18°03'32.2"	106°26'20.4"

Độ sâu đạt: 10.6m (mười mét sáu).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10.2m đến 10.5m, tại khu vực giữa tuyến mép bến, có chiều dài khoảng 45m, tâm dải cạn cách điểm A1-2 về phía Đông Bắc khoảng 80m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 3m.

14. Bến A2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A2-1	18°03'36.3"	106°26'13.5"	18°03'32.7"	106°26'20.2"
A2-2	18°03'34.0"	106°26'08.8"	18°03'30.4"	106°26'15.4"
A2-3	18°03'34.8"	106°26'08.3"	18°03'31.2"	106°26'15.0"
A2-4	18°03'37.1"	106°26'13.1"	18°03'33.5"	106°26'19.7"

Độ sâu đạt: 10.6m (mười mét sáu).

15. Bến N2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N2-1	18°04'01.7"	106°26'06.9"	18°03'58.1"	106°26'13.6"
N2-2	18°04'00.3"	106°26'07.7"	18°03'56.6"	106°26'14.4"
N2-3	18°03'58.0"	106°26'03.0"	18°03'54.4"	106°26'09.7"
N2-4	18°03'59.4"	106°26'02.2"	18°03'55.8"	106°26'08.9"

Độ sâu đạt: 9.9m (chín mét chín).

Ghi chú: - Hải đồ cần cập nhật VN40015, V14N0015;

- Truy cập bản tin Thông báo hàng hải điện tử tại địa chỉ <http://vms-north.vn>.

**Nơi nhận:**

- Bộ GTVT;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Cục Hàng hải Việt Nam (kèm theo bình đồ);
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
 - + Tổng công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PTSC);
 - + Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (PVEP);
 - + Tổng công ty CP vận tải dầu khí (PVTrans);
 - + Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsopetro (VSP);
- Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải Hà Tĩnh (kèm theo bình đồ);
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài duyên hải);
- Phòng Cảnh sát giao thông thủy - Công an Nghệ An;
- Sở Giao thông vận tải Nghệ An;
- Đại lý hàng hải Hải Phòng (VOSA Hải Phòng);
- Đại lý hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn);
- Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO);
- Công ty Vận tải biển III (VINASHIP);

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phúc Chính

- Công ty Vận tải và cung ứng xăng dầu đường biển;
- Công ty Vận tải xăng dầu VIPCO;
- Công ty vận tải dầu khí Việt Nam;
- Công ty Vận tải biển Hà Nội;
- Công ty Vận tải biển Sài Gòn;
- Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (VITRANCHART);
- Công ty Vận tải và thuê tàu VIETFRACH (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần vận tải và thương mại (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần đại lý vận tải SAFI (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần vận tải sản phẩm khí Quốc tế;
- Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc:
 - + Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VI (kèm theo bình đồ);
 - + Công ty BĐATHH Bắc Trung Bộ;
 - + Xí nghiệp Khảo sát BĐATHH miền Bắc;
 - + Phòng KTKH, HTQT;
 - + Lưu VP, BĐATHH_(M.Tùng).